|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II -**LỚP 6  Năm học 2022 - 2023  MÔN NGỮ VĂN |

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện dân gian (Truyền thuyết, cổ tích) | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| 2. Văn bản nghị luận |
| 2.Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 |  | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, văn bản nghị luận hoặc văn bản thông tin.  - Nhận ra từ phức (từ ghép và từ láy); Cấu tạo câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được các nội dung chính trong một truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, văn bản nghị luận hoặc văn bản thông tin có nhiều đoạn.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Xác định được yếu tố Hán Việt thông dụng…  **Vận dụng:**  - Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong văn bản.  - Hoặc đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản hoặc cách thức truyền tải thông tin trong văn bản. | 3 TN | 4 TN  1 TL | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết được bài văn  trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4 TN**  **1 TL** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |
|  | | |  |  | |  | |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I - ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*“… (1) Một thói quen xấu ta thường gặp hàng ngày ở bất cứ đâu là thói quen vứt rác bừa bãi. (2) Ăn chuối xong cứ tự tiện tay là vứt tẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường. (3) Thói quen này thành tệ nạn (4) Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác….(5) Những nơi khuất, nơi công cộng, lâu ngày rác cứ ùn lên, khiến nhiều khu dân cư phải chịu hậu quả mất vệ sinh nặng nề.*

*Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường. Vì thế trẻ em, cụ già giẫm phải, chảy máu chân rất nguy hiểm.*

*Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì rất dễ. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.*

*(Theo Băng Sơn, Giao tiếp đời thường)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1***(0,25 điểm):* **Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Biểu cảm  B. Tự sự | C. Nghị luận  D. Thuyết minh |

**Câu 2***(0,25 điểm):***Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?**

A. Thói quen xấu của con người.

B. Thực trạng việc vứt rác bừa bãi

C. Việc vứt rác bừa bãi là thói quen xấu.

D. Thói quen xấu vứt rác bừa bãi và lời khuyên của tác giả về việc duy trì thói quen tốt trong cuộc sống

**Câu 3*(****0,25 điểm):* **Câu văn nào nêu lí lẽ chính (ý chủ đề) của đoạn văn thứ nhất?**

A. Câu 1

B. Câu 2

C. Câu 3

D. Câu 4

**Câu 4***(0,25 điểm****):*** **Ý nào sau đây nêu hậu quả của việc vứt rác bừa bãi?**

A. Ăn chuối xong cứ tự tiện tay là vứt tẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường

B. Có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường

C. Lâu ngày rác cứ ùn lên, khiến nhiều khu dân cư phải chịu hậu quả mất vệ sinh nặng nề.

D. Mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.

**Câu 5** *(02,5 điểm):* **Thái độ của tác giả thể hiện trong đoạn trích trên là gì?**

1. Phê phán mọi thói quen xấu của con người
2. Phê phán thói quen vứt rác bừa bãi và mong muốn mọi người tạo ra thói quen tốt, có nếp sống văn minh..
3. Yêu mến trân trọng cuộc sống.

D. Lo sợ thiên nhiên bị huỷ hoại

**Câu 6***(0,25 điểm)*: **Từ nào dưới đây là từ Hán Việt ?**

A. Vứt rác

B. Xóm nhỏ

C. Hậu quả

D. Thói quen

**Câu 7***(0,25 điểm)*: Bộ phận **trạng ngữ** trong câu văn sau có vai trò gì **?**

Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác.

1. Bổ sung ý nghĩa cho câu về mục đích.
2. Bổ sung ý nghĩa cho câu về lí do.
3. Bổ sung ý nghĩa cho câu về thời gian
4. Bổ sung ý nghĩa cho câu về nơi chốn.

**Câu 8***(0,25 điểm)*: Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì**?**

A. Cung cấp những bằng chứng cụ thể về hiện tượng vứt rác thải trong đời sống.

B. Nêu thực trạng vứt rác bừa bãi của một số người.

C. Chỉ ra hậu quả của việc vứt rác thải trong cuộc sống.

D. Thực trạng vứt rác bừa bãi của một số người và lời khuyên của tác giả về việc duy trì thói quen tốt trong cuộc sống

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9** *(1,0 điểm)*: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của tác giả “*Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì rất dễ. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.” không?* Vì sao?

**Câu 10 *(****1,0 điểm)*: Đoạn trích sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.

**Câu 11 *(****2,0 điểm)*: Từ nội dung của đoạn trích, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề nói chuyện riêng trong giờ học của học sinh hiện nay.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | | **Câu** | | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | |  | | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | | **1** | | C | 0,25 |
| **2** | | D | 0,25 |
| **3** | | A | 0,25 |
| **4** | | C | 0,25 |
| **5** | | B | 0,25 |
| **6** | | C | 0,25 |
| **7** | | D | 0,25 |
| **8** | | D | 0,25 |
|  | | **9** | | - Học sinh trả lời đồng tình với quan điểm tác giả (hoặc có ý kiến khác)  - Có cách kiến giải phù hợp:  + **Thực trạng** việc vứt rác bừa bãi là thói quen xấu của nhiều người. Thói quen tốt phải rèn luyện mới có.  + Việc vứt rác bừa bãi gây nhiều **hậu quả** nghiêm trọng đến môi trường sống và sức khoẻ của mọi người.  + **Nếu** mọi người đều có ý thức vứt rác đúng nơi quy định thì *sẽ tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội.*  *(HS nêu được 2 ý phù hợp được điểm tối đa)* | 1,0 |
|  | | **10** | | **Câu 10**  Đoạn trích sử dụng biện pháp nghệ thuật: Liệt kê.  +Những thói quen tốt: Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đoc sách,...  + Những thói quen xấu: Hút thuốc lá, hay cáu giận, mất trật tự  ⇒Tác dụng: liệt kê đầy đủ, chi tiết nhưng biểu hiện cho thói quen tốt vè thói quen xấu, từ đó nhấn mạnh với người đọc về thông điệp tác giả muốn gửi gắm, truyền đạt. Đồng thời, phép tu từ liệt kê giúp văn bản biểu đạt rõ ràng hơn, tránh rời rạc, lan man, không đầy đủ ý khi trình bày. | 1,0 |
|  | | **11** | | - **HS có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần** nêu được những bài học phù hợp với những vấn đề gợi ra từ văn bản. hướng hành động bảo vệ môi trường sống:  + Nhận thức được việc vứt rác bừa bãi là thói quen xấu, là hành vi thiếu văn hoá gây tổn hại nghiêm trọng đến môi trường sống  + **Hành động** không vứt rác bừa bãi, phải tạo ra thói quen tốt, cần phải bảo vệ môi trường sống; Tuyên truyền về hậu quả của những hành vi phá hoại môi trường…  - Những thói quen tốt bởi nó sẽ làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp và thành công: - Luôn dậy sớm giúp con người có thêm thời gian để chăm sóc bản thân, làm những công việc chỉn chu hơn cho công việc đi học và đi làm ngày mới. - Thói quen đúng hẹn giúp nâng cao uy tín của mỗi người và tạo được tâm thế chuyên nghiệp, tự tin và là bệ phóng để đạt hiệu quả cao trong công việc. - Thói quen giữ lời hứa cũng là thói quen xây dựng thương hiệu bản thân. Việc giữ lời hứa với người khác sẽ làm đẹp hình ảnh của bản thân. - Thói quen đọc sách chính là thói quen và kỹ năng buộc phải có.  + **Thái độ**: phê phán, lên án những hành vi phá hoại môi trường, lười đọc sách...  *(HS nêu được 3 ý phù hợp được điểm tối đa)* | 2,0 |
| **II** |  | | **VIẾT** | | **4,0** |
|  | | *\**. *Đảm bảo cấu trúc bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội* | | 0,25 |
|  | | *\*. Xác định đúng yêu cầu của đề*:trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội | | 0,25 |
|  | | **\*Trình bày ý kiến về hiện tượng nói chuyện riêng.**  *HS có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:*  **1. Mở bài**  - Nhận định việc nói chuyện riêng trong giờ học là vấn đề còn tồn tại ở môi trường sư phạm Việt Nam hiện nay.  - Nói chuyện riêng trong giờ là thói quen không tốt cần bỏ.  **2. Thân bài**  ***a. Biểu hiện, Thực trạng nói chuyện riêng trong giờ học của học sinh hiện nay***  - Tuổi học sinh là tuổi đẹp nhất bởi lúc này, chúng ta vẫn đang ngồi trên ghế nhà trường, được học tập và vui chơi cùng bạn bè, thầy cô. Người ta nói: “Nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò”, bởi đẹp nhất là tuổi học trò nhưng nghịch nhất cũng là học trò. Không khó bắt gặp những cô cậu học trò xúm nhau nói chuyện trong giờ, thì thầm to nhỏ rồi cười khúc khích trong khi thầy cô giáo đang giảng bài.  - Nói chuyện riêng trong giờ đôi khi không chỉ là nói bằng miệng, nhiều khi là những dòng viết tay trên trang giấy xé vội mà các học sinh lén truyền cho nhau. Có khi là ám hiệu bằng tay mà họ đã thống nhất từ trước để giao tiếp.  - Nói chuyện riêng thì lớp học nào cũng có, điều này gây nhiều rắc rối cho chính học sinh cũng như giáo viên.  ***b. Nguyên nhân dẫn đến việc nói chuyện riêng trong giờ của học sinh***  - Do bản thân học sinh không thích học hoặc cảm thấy những câu chuyện riêng cùng bạn bè thích hơn là nghe giảng bài. Có nhiều trường hợp là học sinh không muốn nghe giảng vì không nhận thấy được mục đích của việc học những kiến thức thầy cô đang giảng dạy.  - Do thời gian học quá nhiều dẫn đến học sinh mệt mỏi, khó tiếp thu thêm kiến thức trên nhà trường nên nói chuyện riêng trong giờ như một “phương pháp” để giải tỏa.  - Do bài giảng quá khô khan, không gây được sự chú ý, tò mò, muốn lắng nghe từ học sinh.  ***c. Tác hại của việc nói chuyện riêng trong giờ***  - Với học sinh: không tiếp thu được bài giảng; làm ảnh hưởng đến những bạn khác học tập; gián đoạn bài giảng của thầy cô.  - Với thầy cô: Gây cảm giác khó chịu vì cảm thấy thầy cô giảng dạy nhưng không được học sinh lắng nghe; mất cảm hứng dạy học, đứt “mạch” bài giảng.  ***d. Bài học nhận thức và hành động***  - Đối với học sinh: cần biết tôn trọng thầy cô hơn, hạn chế tối đa việc nói chuyện riêng trong giờ; chăm chú nghe giảng để tiếp nhận thêm kiến thức.  - Đối với giáo viên, nhà trường: Cần thay đổi cách truyền đạt để hấp dẫn học sinh học tập hơn; cho học sinh cảm thấy sự quan trọng của việc học đối với cuộc sống sau này của các em.  - Đối với gia đình: Phụ huynh cần động viên con em học tập; không chỉ trích mà cần lắng nghe con mình.  **3. Kết bài:**  - Nói chuyện riêng trong giờ học là hành động xấu cần phải loại bỏ, mỗi chúng ta hãy chung tay góp sức vì môi trường học đường văn minh, vì tương lai tươi sáng của đất nước.  **-** Khẳng định lại những vấn đề quan trọng của hiện tượng đó, nêu bài học hoặc thông điệp  –Liên hệ với bản thân | | 2,5 |
|  | | **4. Chính tả, ngữ pháp**  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | | 0,5 |
|  | | **5. Sáng tạo**: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | | 0,5 |

------------------------- Hết -------------------------

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com